

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

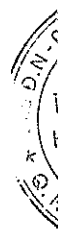
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-45



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thăng	Ủy viên	
Bà Tống Thị Điệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

00  
C  
SCT  
AN  
2/41

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023



Số: 240823.003 /BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 24 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>594.362.054.534</b>	<b>494.809.518.537</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	50.673.155.297	49.559.553.529
111	1. Tiền		50.673.155.297	49.139.553.529
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	420.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	76.743.424.979	79.620.250.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.980.781.305	24.980.781.305
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.938.031.305)	(12.960.531.305)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		61.700.674.979	67.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		406.083.903.287	281.642.950.351
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	294.120.595.703	287.472.101.586
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	94.824.378.011	41.038.226.973
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	74.820.000.000	24.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	125.489.532.070	92.291.552.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(183.170.602.497)	(163.658.931.055)
140	IV. Hàng tồn kho	10	55.808.119.611	78.334.716.380
141	1. Hàng tồn kho		56.332.404.325	79.425.551.773
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(524.284.714)	(1.090.835.393)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.053.451.360	5.652.048.277
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		533.578.202	276.407.937
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.882.589.864	4.620.519.071
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	637.283.294	755.121.269
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>245.289.833.959</b>	<b>287.560.549.566</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.600.000.000	1.600.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	21.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.600.000.000	1.600.000.000
220	II. Tài sản cố định		66.345.512.623	52.604.006.901
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	53.870.679.192	39.950.171.588
222	- Nguyên giá		84.269.625.212	66.011.794.686
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.398.946.020)	(26.061.623.098)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.474.833.431	12.653.835.313
228	- Nguyên giá		14.667.395.364	14.667.395.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.192.561.933)	(2.013.560.051)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		15.292.742.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.292.742.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		342.213.148	6.618.870.763
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		342.213.148	302.569.348
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.316.301.415
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	142.349.542.127	184.855.673.597
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		103.530.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.135.240.773	189.168.719.573
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.315.698.646)	(4.313.045.976)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.652.566.061	41.881.998.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.652.566.061	41.881.998.305
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>839.651.888.493</b>	<b>782.370.068.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		222.887.657.103	330.707.444.054
310	I. Nợ ngắn hạn		213.056.581.959	317.575.538.910
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	50.321.130.220	51.468.158.389
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.008.681.594	10.291.947.626
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.633.451.044	742.602.375
314	4. Phải trả người lao động		9.119.702.155	3.008.378.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	704.973.435	291.076.370
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.084.921.075	654.866.539
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	25.576.358.206	79.328.402.826
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	96.171.053.609	169.242.953.744
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.436.310.621	2.547.153.021
330	II. Nợ dài hạn		9.831.075.144	13.131.905.144
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	9.831.075.144	13.131.905.144
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		616.764.231.390	451.662.624.049
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	616.764.231.390	451.662.624.049
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.694.169.078	19.364.172.424
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		14.645.132.043	(19.884.366.675)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		162.049.037.035	39.248.539.099
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.763.084.238	26.991.473.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		839.651.888.493	782.370.068.103

Lý Thị Lệ Ninh  
Người lậpHoàng Minh Đức  
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	698.186.380.200	439.173.717.205
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		698.186.380.200	439.173.717.205
11	4. Giá vốn hàng bán	24	674.473.876.844	410.570.311.973
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.712.503.356	28.603.405.232
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	298.952.612.937	50.318.051.695
22	7. Chi phí tài chính	26	22.683.755.748	9.821.421.329
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.195.463.222	3.062.076.329
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	24.013.279.706	25.910.247.510
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	72.811.426.168	16.806.873.774
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		203.156.654.671	26.382.914.314
31	12. Thu nhập khác	29	11.637.408.103	5.779.564.587
32	13. Chi phí khác	30	42.522.846.134	503.846
40	14. Lợi nhuận khác		(30.885.438.031)	5.779.060.741
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		172.271.216.640	32.161.975.055
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	8.179.609.299	603.772.470
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		164.091.607.341	31.558.202.585
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		162.049.037.035	30.813.415.862
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.042.570.306	744.786.723
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	4.194	797

Lý Thị Lệ Ninh  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		172.271.216.640	32.161.975.055
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.263.444.804	1.930.155.189
03	- Các khoản dự phòng		16.925.273.433	5.578.533.759
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.771.489	(454.373)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(280.464.132.182)	(51.182.857.238)
06	- Chi phí lãi vay		6.195.463.222	3.062.076.329
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(82.798.962.594)	(8.450.571.279)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(91.574.472.012)	27.903.905.783
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		23.093.147.448	12.150.523.171
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.771.490.478	(101.708.751.050)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27.972.261.979	3.909.448.654
14	- Tiền lãi vay đã trả		(63.641.075.957)	(3.062.076.329)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(623.374.166)	(116.178.930)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.070.486.200)	(1.940.384.944)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(173.871.471.024)	(71.314.084.924)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.688.649.111)	(9.983.702.491)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	16.309.616.196
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(123.020.674.979)	(52.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		57.600.000.000	78.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(103.530.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		422.004.082.785	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.147.295.522	7.917.237.435
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		245.512.054.217	39.643.151.140
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.950.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		409.001.765.359	355.823.183.448
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(485.374.495.494)	(363.494.963.770)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(103.415.481)	(175.355.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(70.526.145.616)	(7.847.136.122)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.114.437.577	(39.518.069.906)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.559.553.529	65.377.018.191
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(835.809)	454.373
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>50.673.155.297</u>	<u>25.859.402.658</u>



Lý Thị Lệ Ninh  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 3.863.860 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 272 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 214 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2023, Công ty thực hiện hoàn tất việc thanh lý các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An, Công ty TNHH FCC Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki đồng thời cũng hoàn tất việc chuyển nhượng/thế chấp tài sản để cầm trả công nợ với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước. (Chi tiết về lãi/lỗ thanh lý các khoản đầu tư được trình bày tại thuyết minh số 4- Các khoản đầu tư tài chính).

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng <sup>(2)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(2)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần MACHINO Thành Đạt	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

(1) Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 30/06/2023, Công ty đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(2) Tuy Công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

- Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty liên kết, xem tại thuyết minh số 04.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



#### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

- Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 08 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Công ty dự kiến phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế vị trí địa lý này trước thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ.

- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

#### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí hoạt động của Công ty ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### 2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.582.947.377	555.989.913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.090.207.920	48.302.105.616
Tiền đang chuyển	-	281.458.000
Các khoản tương đương tiền	-	420.000.000
	<u>50.673.155.297</u>	<u>49.559.553.529</u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	61.700.674.979	-	67.600.000.000	-
	<u>61.700.674.979</u>	<u>-</u>	<u>67.600.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 61.700.674.979 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,7%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 465.000 cổ phiếu TCB được Công ty đầu tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Giá trị đầu tư là 24.980.781.305 VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại thời điểm 30/06/2023 với giá trị là 15.042.750.000 đồng, giá trị dự phòng khoản đầu tư này là 9.938.031.305 VND.



**NG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	30/06/2023		01/01/2023	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				<b>VND</b>
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	34,58%	34,58%	103.530.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyễn Xá	Thái Bình	50,00%	50,00%	23.530.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Hưng Yên	40,00%	40,00%	80.000.000.000
				<b>103.530.000.000</b>

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 37.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An (1)	44.135.240.773	(5.315.698.646)	189.168.719.573	(4.313.045.976)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam (2)	-	-	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki (3)	-	-	49.495.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	(3.000.000.000)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	36.673.137.983	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.474.595.856)	36.673.137.983	-
			3.621.000.000	(1.455.943.186)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (4)	-	-	81.741.478.800	-
	<b>44.135.240.773</b>	<b>(5.315.698.646)</b>	<b>189.168.719.573</b>	<b>(4.313.045.976)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu

(1) Tại ngày 30/6/2023, Công ty đã hoàn thành việc bán 201.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 2.016.000.000 đồng, giá trị chuyển nhượng là 2.016.000.000 đồng.

(2) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng vốn góp theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 06/06/2023 giữa Công ty và Công ty TNHH FCC, lãi từ thanh lý khoản đầu tư này là 157,98 tỷ đồng. (Xem chi tiết tại thuyết minh số 25).

(3) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng vốn góp theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 21/03/2023 giữa Công ty và Công ty TNHH Nippon Seiki, lãi từ thanh lý khoản đầu tư này là 137,47 tỷ đồng. (Xem chi tiết tại thuyết minh số 25).

(4) Theo Nghị quyết số 0039/NQ/MTB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng/thế chấp tài sản để cầm giữ công nợ với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PComBank); Biên bản thỏa thuận số 0806/2023/BB/PVB-PVMachino về việc nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ nợ và Hợp đồng chuyển nhượng số 0806/HĐCNVG-PVMACHINO-PVcomBank ngày 08/06/2023 chuyển nhượng phần vốn góp của PVMACHINO tại Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội giữa Công ty và PCombank, hai bên đã thực hiện thống nhất chấp thuận dùng 10% giá trị góp vốn tại Dự án HH3 Nam An Khánh để đối trừ một phần nghĩa vụ trả nợ, giá trị chuyển nhượng là 64.141.487.800 đồng, lỗ từ thanh lý khoản đầu tư trên là 17.599.991.000 đồng (Xem chi tiết tại thuyết minh số 20 và số 26).

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>191.823.749</b>	<b>(191.823.749)</b>	<b>191.823.749</b>	<b>-</b>
Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	(191.823.749)	191.823.749	-
<b>Bên khác</b>	<b>293.928.771.954</b>	<b>(181.916.693.748)</b>	<b>287.280.277.837</b>	<b>(163.635.446.055)</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty CP Nhôm Việt Pháp Shal	36.754.114.529	-	35.468.304.225	-
Phải thu khách hàng khác	126.690.137.769	(51.432.174.092)	121.327.453.956	(33.150.926.399)
	<b>294.120.595.703</b>	<b>(182.108.517.497)</b>	<b>287.472.101.586</b>	<b>(163.635.446.055)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b><i>50.000.000</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>50.000.000</i></b>	<b><i>-</i></b>
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50.000.000	-	50.000.000	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b><i>94.774.378.011</i></b>	<b><i>(1.062.085.000)</i></b>	<b><i>40.988.226.973</i></b>	<b><i>(23.485.000)</i></b>
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	(963.600.000)	963.600.000	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	1.882.685.200	-	2.340.000.000	-
Công ty CP Contech Group	-	-	3.649.514.696	-
Công ty TNHH TM và DV XNK QD Việt Nam	11.067.237.752	-	19.514.183.040	-
Công ty CP Senka International	7.635.467.960	-	7.939.106.801	-
Arvy Phouyuan Mining Sole Co., Ltd	12.549.870.000	-	-	-
Công ty Cổ phần LICOI13	21.307.281.896	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Ninh Bình	13.123.660.000	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	26.244.575.203	(98.485.000)	6.581.822.436	(23.485.000)
	<b><u>94.824.378.011</u></b>	<b><u>(1.062.085.000)</u></b>	<b><u>41.038.226.973</u></b>	<b><u>(23.485.000)</u></b>

105  
S TY  
H HƯ  
M T  
S  
TP  
95  
T  
HƯ  
M  
S  
M

**IG-TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>						
<i>Bên liên quan</i>	-	-	100.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội <sup>(1)</sup>			100.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-
<i>Bên khác</i>	24.500.000.000	-	320.000.000	-	24.820.000.000	-
- Ông Đỗ Chí Lệ <sup>(2)</sup>	24.500.000.000	-	320.000.000	-	24.820.000.000	-
	<b>24.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.320.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>74.820.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá <sup>(3)</sup>			21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng cho vay số 01.2803/HĐVT/2023 ngày 28/3/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích cho vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 181 ngày kể từ ngày 28/3/2023 đến ngày 25/9/2023;
- + Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 50.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay số 0612/HĐVT/2022 ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Phụ lục hợp đồng 0612/HĐVT/2022 ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa Ông Đỗ Chí Lệ và Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt:

- + Số tiền cho vay: 30.000.000.000 VND;
- + Mục đích cho vay: thực hiện các thủ tục hoàn thành, quyết toán và chuyển đổi chủ đầu tư nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp tại xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang sang Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ ngày 06/12/2022 đến ngày 31/3/2023 và gia hạn đến 31/12/2023;
- + Lãi suất cho vay: 10% tính từ ngày nhận tiền vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 24.820.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(3) Hợp đồng cho vay số 01.2806/HĐVT/2023 ngày 28/06/2023 giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 21.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày 28/6/2023 đến ngày 29/6/2025;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 21.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.239.811.633	-	893.578.958	-
Tạm ứng <sup>(1)</sup>	87.142.897.736	-	59.907.910.635	-
Ký cược, ký quỹ	13.336.462	-	149.316.529	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Đông Đô (2)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (3)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Đạt	4.743.731.333	-	340.746.725	-
Phải thu khác	349.754.906	-	-	-
	<u>125.489.532.070</u>	<u>-</u>	<u>92.291.552.847</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Ông Phạm Văn Hiệp	14.550.000.000	-	14.550.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	15.650.000.000	-	17.650.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hà	5.020.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Đông Đô <sup>(2)</sup>	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla <sup>(3)</sup>	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Các đối tượng khác	56.269.532.070	-	26.091.552.847	-
	<b>125.489.532.070</b>	<b>-</b>	<b>92.291.552.847</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Hợp tác kinh doanh triển khai dự án Đông Anh	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Ông Phạm Văn Hiệp	14.550.000.000	-	14.550.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	15.650.000.000	-	17.650.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hà	5.020.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b>38.820.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.800.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư bất động sản.

(2) Hợp đồng hợp tác số 2812/2022/HĐHT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông đô ("Đông Đô") về việc cùng nhau hợp tác để nghiên cứu, triển khai và phát triển các dự án đầu tư (bất động sản, cụm.khu công nghiệp, xử lý rác thải...) tại các tỉnh phía bắc, trong đó tập trung như tỉnh Thái Bình, Nam Định. Theo hợp đồng này, Công ty tạm ứng cho Đông Đô để tiến hành triển khai các công việc như đã thống nhất với số tiền 16 tỷ đồng. Hợp đồng được thực hiện dự kiến trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian hợp tác, các bên sẽ bàn bạc, thống nhất bằng các phụ lục hợp đồng.

<sup>(3)</sup> Hợp đồng hợp tác đầu tư số 561/2021/HĐNT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Licogi 13 (Bên A), Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (Bên C) về việc hợp tác đầu tư dự án khu dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú - Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa;  
Phương thức hợp tác: Các bên thành lập Liên danh để đấu thầu làm Chủ đầu tư Dự án dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó tỷ lệ đóng góp của mỗi bên như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla: 40% Tổng chi phí;
- Công ty Cổ phần Licogi 13: 30% Tổng chi phí;
- Công ty: 30% Tổng chi phí.

Chi phí cho đến khi Liên danh nhận được Quyết định Chủ đầu tư Dự án thực tế sẽ được các bên thống nhất, xác nhận bằng văn bản phân bổ cho các thành viên liên danh theo tỷ lệ quy định. Theo Nghị quyết HĐQT số 0041/NQ/MTB-HĐQT của Công ty và Công văn số 99/CV ngày 11/04/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla thì hợp đồng hợp tác đầu tư trên được gia hạn trước ngày 30/06/2024.  
Tại thời điểm 30/06/2023, dự án vẫn đang tiếp tục được triển khai và thực hiện.

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	57.547.189.995	30.685.709.053	32.235.492.275	8.949.253.603
	<u>196.098.800.411</u>	<u>169.237.319.469</u>	<u>170.787.102.691</u>	<u>147.500.864.019</u>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

**Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:**

(1): Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	192.247.528	-	528.645.328	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	336.677.968	-	16.097.634.067	-
Thành phẩm	168.480.726	-	210.010.020	-
Hàng hoá	55.634.998.103	(524.284.714)	62.589.262.358	(1.090.835.393)
	<u>56.332.404.325</u>	<u>(524.284.714)</u>	<u>79.425.551.773</u>	<u>(1.090.835.393)</u>

**IG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	52.006.810.173	5.512.601.298	6.961.518.105	1.369.665.110	161.200.000	66.011.794.686
- Mua trong kỳ	-	-	2.443.010.000	-	-	2.443.010.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.561.940.526	-	-	-	-	13.561.940.526
- Chuyển sang từ bất động sản đầu tư	2.252.880.000	-	-	-	-	2.252.880.000
Số dư cuối kỳ	67.821.630.699	5.512.601.298	9.404.528.105	1.369.665.110	161.200.000	84.269.625.212
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	17.570.988.962	1.269.077.542	6.307.332.934	881.723.659	32.500.001	26.061.623.098
- Khấu hao trong kỳ	1.630.131.568	262.557.378	104.169.510	60.717.798	26.866.668	2.084.442.922
- Chuyển sang từ bất động sản đầu tư	2.252.880.000	-	-	-	-	2.252.880.000
Số dư cuối kỳ	21.454.000.530	1.531.634.920	6.411.502.444	942.441.457	59.366.669	30.398.946.020
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	34.435.821.211	4.243.523.756	654.185.171	487.941.451	128.699.999	39.950.171.588
Tại ngày cuối kỳ	46.367.630.169	3.980.966.378	2.993.025.661	427.223.653	101.833.331	53.870.679.192

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.724.262.457 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	14.056.150.364	611.245.000	14.667.395.364
Số dư cuối kỳ	<u>14.056.150.364</u>	<u>611.245.000</u>	<u>14.667.395.364</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.405.615.051	607.945.000	2.013.560.051
- Khấu hao trong kỳ	175.701.882	3.300.000	179.001.882
Số dư cuối kỳ	<u>1.581.316.933</u>	<u>611.245.000</u>	<u>2.192.561.933</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	12.650.535.313	3.300.000	12.653.835.313
Tại ngày cuối kỳ	<u>12.474.833.431</u>	<u>-</u>	<u>12.474.833.431</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 547.965.000 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m<sup>2</sup>, sử dụng làm văn phòng Công ty và mặt bằng kinh doanh, thời hạn 50 năm kể từ ngày 13/01/2009;

- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m<sup>2</sup>, sử dụng làm mặt bằng kinh doanh của Công ty, thời hạn 50 năm kể từ ngày 12/01/2009.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
- Giảm khác	-	(2.252.880.000)	(2.252.880.000)
Số dư cuối kỳ	<u>7.779.542.940</u>	<u>7.513.200.000</u>	<u>15.292.742.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
- Giảm khác	-	(2.252.880.000)	(2.252.880.000)
Số dư cuối kỳ	<u>7.779.542.940</u>	<u>7.513.200.000</u>	<u>15.292.742.940</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m<sup>2</sup> đất tại Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội được sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	550.238.426	697.846.015
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa	-	28.542.933.921
Tiền thuê đất <sup>(1)</sup>	1.230.000.000	1.290.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	8.401.603.763	9.073.732.067
Chi phí sửa chữa	2.846.564.326	1.686.927.663
Chi phí trả trước dài hạn khác	624.159.546	590.558.639
	<b>13.652.566.061</b>	<b>41.881.998.305</b>

<sup>(1)</sup> Thuê đất theo Hợp đồng thuê đất tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daseco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Đến thời điểm 30/06/2023, đây là số tiền còn lại trả trước cho 05 năm tiếp theo từ năm 2022 đến hết năm 2026.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	1.278.836.416	1.278.836.416	15.886.856.700	15.886.856.700
Công ty TNHH Công nghiệp Delta	400.650.787	400.650.787	7.999.071.420	7.999.071.420
Công ty Cổ phần Cơ điện EME	4.210.668.000	4.210.668.000	5.579.394.840	5.579.394.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Hoàng Gia	5.197.557.812	5.197.557.812	5.197.557.812	5.197.557.812
Công ty Cổ phần Đại Kim	9.598.176.500	9.598.176.500	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Nhựa Bình Thuận	11.374.453.750	11.374.453.750	-	-
Phải trả các đối tượng khác	18.260.786.955	18.260.786.955	16.805.277.617	16.805.277.617
	<b>50.321.130.220</b>	<b>50.321.130.220</b>	<b>51.468.158.389</b>	<b>51.468.158.389</b>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp TLT Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	2.650.112.850	2.650.112.850
Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	-	1.044.488.827
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	5.904.243.750	-
Các đối tượng khác	2.084.882.625	-
	<b>4.359.642.369</b>	<b>5.587.545.949</b>
	<b>16.008.681.594</b>	<b>10.291.947.626</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	440.943.022	105.291.422	5.638.257.862	5.003.957.775	440.943.022	739.591.509						
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	47.714.688	47.714.688	-	-						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	305.396.199	8.199.609.299	623.374.166	-	7.737.783.841						
Thuế thu nhập cá nhân	35.330.756	293.602.170	1.126.925.005	1.328.773.581	61.340.272	117.763.110						
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	135.000.000	-	2.906.847.973	2.906.847.973	135.000.000	-						
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	38.312.584	629.820.000	629.820.000	-	38.312.584						
	<b>755.121.269</b>	<b>742.602.375</b>	<b>18.554.174.827</b>	<b>10.545.488.183</b>	<b>637.283.294</b>	<b>8.633.451.044</b>						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	604.973.435	196.076.370
- Chi phí phải trả khác	100.000.000	95.000.000
	<b>704.973.435</b>	<b>291.076.370</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	224.133.511	168.990.018
- Bảo hiểm xã hội	225.461.101	27.521.600
- Bảo hiểm y tế	35.181.892	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.450.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.277.272.000	17.678.460.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.346.174.090	3.449.589.571
- Phải trả lãi vay	-	57.854.509.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.455.685.612	149.331.837
	<b>25.576.358.206</b>	<b>79.328.402.826</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty TNHH Thương mại Hưng Việt TP Inmex (1)	17.600.000.000	17.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	57.854.509.800
- Đối tượng khác	7.976.358.206	21.473.893.026
	<b>25.576.358.206</b>	<b>79.328.402.826</b>

(1) Đây là khoản đặt cọc, với giá trị 17.600.000.000 VND của Công ty TNHH Thương mại Hưng Việt TP Inmex liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp 10% giá trị dự án Nam An Khánh theo hợp đồng đặt cọc số 2011/HĐDC/PVMACHINO-HV. Đến thời điểm 30/06/2023, hai bên đang trong quá trình làm thủ tục thanh lý hợp đồng này.





**IG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

8 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**VAY**

	01/01/2023		Trong kỳ			30/06/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngắn hạn Ngân hàng	166.335.403.744	166.335.403.744	409.001.765.359	483.287.535.494	92.049.633.609	92.049.633.609	
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	23.263.429.509	23.263.429.509	-	23.263.429.509	-	-	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (1)	52.138.400.000	52.138.400.000	217.372.800.000	231.670.300.000	37.840.900.000	37.840.900.000	
- Ngân hàng TMCP BIDV CN Hai Bà Trưng (2)	65.512.440.847	65.512.440.847	133.367.226.919	159.542.521.657	39.337.146.109	39.337.146.109	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (3)	22.923.193.388	22.923.193.388	54.946.325.940	64.625.519.328	13.244.000.000	13.244.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng (4)	2.497.940.000	2.497.940.000	2.750.412.500	3.620.765.000	1.627.587.500	1.627.587.500	
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	565.000.000	565.000.000	-	-	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>							
Nợ dài hạn TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (5)	2.907.550.000	2.907.550.000	3.300.830.000	2.086.960.000	4.121.420.000	4.121.420.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (5)	2.907.550.000	2.907.550.000	3.300.830.000	2.086.960.000	4.121.420.000	4.121.420.000	
	<b>169.242.953.744</b>	<b>169.242.953.744</b>	<b>412.302.595.359</b>	<b>485.374.495.494</b>	<b>96.171.053.609</b>	<b>96.171.053.609</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (5)	16.039.455.144	16.039.455.144	-	2.086.960.000	13.952.495.144	13.952.495.144	
	<b>16.039.455.144</b>	<b>16.039.455.144</b>	<b>-</b>	<b>2.086.960.000</b>	<b>13.952.495.144</b>	<b>13.952.495.144</b>	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.907.550.000)	(2.907.550.000)	(3.300.830.000)	(2.086.960.000)	(4.121.420.000)	(4.121.420.000)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>13.131.905.144</b>	<b>13.131.905.144</b>			<b>9.831.075.144</b>	<b>9.831.075.144</b>	

**IG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

3 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

ng tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2023 (VND)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 60/2023/CV/VCB-KHDN ngày 26/05/2023	70.000.000.000	Lãi suất theo thông báo của bên vay từng thời kỳ, được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được cố định trong suốt thời gian vay vốn	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 05 tháng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, phục vụ hoạt động kinh doanh và hoạt động sửa chữa bảo dưỡng ô tô Mitsubishi của khách hàng nhưng không bao gồm các nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;	Bất động sản và động sản của bên vay theo các hợp đồng cầm cố số 90/2010/VCB-ĐN; 10/2010/VCB-ĐN; 035/2011/VCB-ĐN; 160/2012/VCB-ĐN và 162/2012/VCB-ĐN. Các khoản vay này đã đăng ký giao dịch đảm bảo.	37.840.900.000 37.840.900.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hai Bà Trưng Hợp đồng số 01/2022/339/HĐTD ngày 06/9/2022;	120.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 30/6/2023 là 8,2%/năm	Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ được xác định theo từng HĐTD cụ thể.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh .	Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.	39.337.146.109 39.337.146.109
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm Hợp đồng cho vay từng lần số 82HTTD/2023-HĐCV/NHCT122-PVM ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Hợp đồng cho vay từng lần số 80HTTD/2023-HĐCV/NHCT122-PVM ngày 27 tháng 6 năm 2023		Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 30/6/2023 là 7,5%/năm	Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ được xác định theo từng HĐTD cụ thể.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh .	Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.	13.244.000.000 13.244.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng Hợp đồng tín dụng số 3437185.23 ngày 31/05/2023	7.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Bắt đầu từ ngày rút vốn lần đầu và chấm dứt sau 24 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu	Đầu tư xe ô tô của hãng Mitsubishi để phục vụ hoạt động chạy thử theo chương trình của hãng Mitsubishi Việt Nam;	Các xe ô tô hiện hữu (9 chỗ ngồi trở xuống) nhãn hiệu Mitsubishi, đã có giấy đăng ký xe và thời hạn từ lúc đăng ký xe lần đầu tiên tới lúc giải ngân không quá 3 tháng, và khoản vay này đã đăng ký giao dịch đảm bảo.	1.627.587.500 1.627.587.500

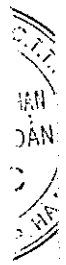
30  
35

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

G TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ  
Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

g tin chi tiết các khoản vay dài hạn

Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2023 (VND)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Các hợp đồng tín dụng	27.900.000.000	6- 8%/năm	36 - 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đồng Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và một số tài sản khác theo các hợp đồng thế chấp và khoản vay này đã đăng ký giao dịch đảm bảo.	13.952.495.144 13.952.495.144



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	11.662.653.325	24.886.356.580	441.855.987.979				
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	30.813.415.862	744.786.723	31.558.202.585				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)				
Số dư cuối kỳ trước	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	37.976.069.187	25.631.143.303	468.914.190.564				
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	19.364.172.424	26.991.473.551	451.662.624.049				
Lãi trong kỳ này	-	-	-	162.049.037.035	2.042.570.306	164.091.607.341				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	(219.040.381)	(220.959.619)	(440.000.000)				
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	5.950.000.000	5.950.000.000				
Số dư cuối kỳ này	386.386.000.000	18.920.978.074	18.920.978.074	176.694.169.078	34.763.084.238	616.764.231.390				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Công ty mẹ và Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tại công ty mẹ		Các công ty con phân phối cho	
	VND	VND	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
Phân phối lợi nhuận	4.500.000.000	219.040.381	220.959.619	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.047.020.000	-	-	-
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	-	-	-	-

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa chốt quyền chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91	65.351.000.000	16,91	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12	70.000.000.000	18,12	70.000.000.000
Các cổ đông khác	64,97	251.035.000.000	64,97	251.035.000.000
	<b>100</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>100</b>	<b>386.386.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	3.449.589.571	2.930.853.015
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(103.415.481)	(175.355.800)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(103.415.481)	(175.355.800)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	3.346.174.090	2.755.497.215

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	<b>18.920.978.074</b>	<b>18.920.978.074</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty mẹ đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m<sup>2</sup> tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 23.600 m<sup>2</sup> đất tại thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh, làm trụ sở văn phòng và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐTD ngày 13/06/2017 tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên - Huế với diện tích 5.372 m<sup>2</sup> để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daseco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**a) Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)**

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 10 Nguyễn Phục, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 15.366 m2 có thời hạn đến ngày 30/01/2052 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đang sử dụng diện tích đất 3.241,6 m2 tại địa chỉ Phường Hiệp Hòa, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	33.167,47	22.772,57

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
	65.193.021.617	65.193.021.617

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	669.881.980.368	417.175.456.471
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.304.399.832	21.998.260.734
	<u><u>698.186.380.200</u></u>	<u><u>439.173.717.205</u></u>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	660.405.043.396	397.365.212.307
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.635.384.127	13.205.099.666
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(566.550.679)	-
	<u><u>674.473.876.844</u></u>	<u><u>410.570.311.973</u></u>

III  
NG  
HIỆN  
KIẾ  
VA  
KIẾ

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.493.528.197	2.959.018.991
Lãi bán các khoản đầu tư	295.457.634.985	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	47.058.856.251
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.449.755	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	454.373
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	299.722.080
	<u>298.952.612.937</u>	<u>50.318.051.695</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	430.356.342	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.195.463.222	3.062.076.329
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	18.487.031.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.575.697	40.095.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	9.771.489	-
Dự phòng/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.019.847.330)	6.719.250.000
Chi phí tài chính khác	761.670	-
	<u>22.683.755.748</u>	<u>9.821.421.329</u>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan	220.761.670	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.555.679	42.039.466
Chi phí nhân công	8.845.550.116	4.224.279.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.797.976	926.318.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.623.624.105	1.060.517.543
Chi phí khác bằng tiền	8.173.751.830	19.657.092.068
	<u>24.013.279.706</u>	<u>25.910.247.510</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	681.229.843	413.500.851
Chi phí nhân công	16.353.743.094	5.630.596.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	398.598.578	258.726.688
Thuế, phí, lệ phí	847.890.480	83.385.965
Chi phí dự phòng	19.511.671.442	745.490.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.258.938.424	4.425.649.241
Chi phí khác bằng tiền (*)	32.759.354.307	5.249.524.038
	<b>72.811.426.168</b>	<b>16.806.873.774</b>

(\*) Trong đó, Giá trị lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là 28.542.933.921 đồng.

29 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.164.981.996
Tiền phạt thu được	1.279.500.210	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	9.991.548.146	4.614.580.591
Thu nhập từ nợ khó đòi	366.358.186	-
Thu nhập khác	1.561	2.000
	<b>11.637.408.103</b>	<b>5.779.564.587</b>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.313.324.333	-
Chi phí tài trợ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lạng Sơn	25.000.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chậm quyết toán	16.184.805.227	-
Chi phí khác	24.716.574	503.846
	<b>42.522.846.134</b>	<b>503.846</b>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	7.390.857.312	232.996.399
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con- Công ty CP Máy thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	597.942.861	370.776.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần MACHINO Thành Đạt	190.809.126	-
	<b>8.179.609.299</b>	<b>603.772.470</b>



**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế	162.049.037.035	30.813.415.862
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	162.049.037.035	30.813.415.862
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	38.638.600	38.638.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.194</b>	<b>797</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 28.

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

## Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	15.042.750.000	-	-	15.042.750.000
	<u>15.042.750.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.042.750.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	12.020.250.000	-	-	12.020.250.000
	<u>12.020.250.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.020.250.000</u>

## Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

## Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và các khoản trong đưng tiền	49.090.207.920	-	-	49.090.207.920
Phải thu khách hàng, phải thu khác	237.501.610.276	1.600.000.000	-	239.101.610.276
Các khoản cho vay	136.520.674.979	21.000.000.000	-	157.520.674.979
	<u>423.112.493.175</u>	<u>22.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>445.712.493.175</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	49.003.563.616	-	-	49.003.563.616
Phải thu khách hàng, phải thu khác	216.128.208.378	1.600.000.000	-	217.728.208.378
Các khoản cho vay	92.100.000.000	-	-	92.100.000.000
	<u>357.231.771.994</u>	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>358.831.771.994</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	96.171.053.609	9.831.075.144	-	106.002.128.753
Phải trả người bán, phải trả khác	75.897.488.426	-	-	75.897.488.426
Chi phí phải trả	704.973.435	-	-	704.973.435
	<u>172.773.515.470</u>	<u>9.831.075.144</u>	<u>-</u>	<u>182.604.590.614</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	169.242.953.744	13.131.905.144	-	182.374.858.888
Phải trả người bán, phải trả khác	75.897.488.426	-	-	75.897.488.426
Chi phí phải trả	291.076.370	-	-	291.076.370
	<u>245.431.518.540</u>	<u>13.131.905.144</u>	<u>-</u>	<u>258.563.423.684</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3/10  
BẮC  
HẢI  
3/10

## 35 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Công bố bản án sơ thẩm số 43/2020/KDTM-ST ngày 28/09/2020 về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, Công ty TNHH Thương mại và Dầu khí Đức Hùng và bên bảo lãnh là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Toà án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội phán quyết buộc Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, số tiền tương ứng với Bảo lãnh số 0606/TDHH ngày 07/06/2011 và các khoản lãi chậm trả phát sinh. Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí đã kháng cáo bản án này và chuyển lên cấp phúc thẩm. Tính đến thời điểm 30/06/2023 vẫn chưa có Công bố mới nhất của Toà án Nhân dân thành phố Hà Nội liên quan đến hồ sơ phúc thẩm trên của Công ty.

## 36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyễn Xá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội	Ông Ưông Huy Đông - Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội là em vợ của Ông Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Ông Ưông Huy Đông là chủ tịch HĐQT Công ty
Các thành viên HĐQT	Điều hành Công ty
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và ban kiểm soát	Điều hành Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, cuối kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Chi phí tài chính	220.761.670	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	220.761.670	-
Lãi cho vay	430.356.342	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội	430.356.342	-

11  
CÓT  
NH  
31  
A/  
12/

31/

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	42.729.402	43.404.242

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2023	2022
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>	<b>666.731.818</b>	<b>501.575.300</b>
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT	176.000.000	135.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/04/2023)	46.000.000	67.500.000
Vũ Đình Đông - Ủy viên HĐQT	-	67.500.000
Nguyễn Minh Tuấn- Ủy viên HĐQT	335.000.000	231.575.300
Vương Hoàng Thăng- Ủy viên HĐQT	80.681.818	-
Tổng Thị Điệp - Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/04/2023)	29.050.000	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác</b>	<b>2.025.000.000</b>	<b>1.443.002.900</b>
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc	749.000.000	339.995.200
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)	-	201.376.400
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	323.000.000	228.893.300
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	323.000.000	228.893.300
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	323.000.000	228.893.300
Hoàng Minh Đức- Kế toán trưởng	307.000.000	214.951.400
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>	<b>222.000.000</b>	<b>166.500.000</b>
Lê Thị Kiều Vân- Trưởng ban kiểm soát	88.000.000	67.500.000
Phạm Thị Hải An - Thành viên Ban kiểm soát	67.000.000	49.500.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban kiểm soát	67.000.000	49.500.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

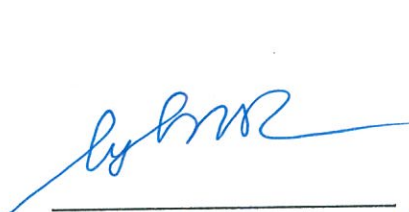


195  
GTY  
HÀ NỘI  
KIỂM T  
SC  
M. T

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước		Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
	VND		VND	VND	
<b>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</b>					
Phải trả ngắn hạn khác	319	21.473.893.026	79.328.402.826	57.854.509.800	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	77.218.682.224	19.364.172.424	(57.854.509.800)	(*)

(\*) Ghi nhận chi phí lãi vay từ các năm trước tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam căn cứ theo Biên bản thỏa thuận số 0806/2023/BB/PVB-PVMachino về việc nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ nợ và Hợp đồng chuyển nhượng số 0806/HĐCNVG-PVMACHINO PVcomBank ngày 08/06/2023 chuyển nhượng phần vốn góp của PVMACHINO tại Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

  
Lý Thị Lệ Ninh  
Người lập  
Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng  
Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

